

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

1. Bổ sung vào Điều 5 như sau:

“Điều 5. Điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (trừ trường hợp nộp thuế tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính mà ngân hàng có quy định khác) phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có chứng thư số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp (trừ trường hợp nộp thuế tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính).

2. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet và có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định với cơ quan thuế (trừ trường hợp nộp thuế tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính).”

2. Sửa đổi khoản 2, Điều 6 như sau:

“2. Cơ quan thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khi thực hiện thông báo điện tử tại Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính phải sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp.”

3. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử và xác nhận

1. Người nộp thuế được thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế qua công thông tin điện tử của cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, Tết).

Ngày nộp hồ sơ thuế điện tử được tính từ 0 giờ đến 24 giờ cùng ngày.

2. Thời điểm nộp hồ sơ thuế điện tử là thời điểm được ghi trên Thông báo xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử của cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (trường hợp sử dụng dịch vụ T-VAN) gửi Thông báo xác nhận đã nhận được hồ sơ thuế điện tử đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế gửi đến.”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Trường hợp đến hạn nộp hồ sơ khai thuế điện tử mà hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa khắc phục được sự cố, người nộp thuế lập hồ sơ khai thuế bằng giấy và nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý.

Trường hợp do lỗi của công thông tin điện tử của cơ quan thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (trường hợp sử dụng dịch vụ T-VAN) trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế thì người nộp thuế không bị phạt hành chính về hành vi nộp chậm hồ sơ khai thuế nếu người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế.”

5. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“1. Người nộp thuế thực hiện khai thuế điện tử theo một trong các cách sau:

- Khai thuế điện tử trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế: người nộp thuế truy cập tài khoản giao dịch thuế điện tử; thực hiện khai thuế trực tuyến tại cổng thông tin của cơ quan thuế và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

- Khai thuế điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ khai thuế: người nộp thuế lập hồ sơ khai thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của cơ quan thuế; sau đó người nộp thuế truy cập vào tài khoản giao dịch thuế điện tử để thực hiện gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

- Khai thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Sau khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (trường hợp sử dụng dịch vụ T-VAN) gửi Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử cho người nộp thuế.”

6. Bổ sung khoản 1, Điều 17 như sau:

“c) Đã tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước; có phần mềm ứng dụng thu ngân sách nhà nước qua mạng và các giải pháp kỹ thuật về an toàn, bảo mật thông tin nộp thuế của người nộp thuế theo quy định tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước hiện hành.”

7. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Ngày nộp thuế điện tử

Ngày nộp thuế điện tử được xác định là ngày người nộp thuế trích tiền từ tài khoản của mình và ngân hàng đã chấp nhận thanh toán; đồng thời được Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước xác nhận bằng chữ ký số trên chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế.”

8. Bổ sung vào Điều 20 như sau:

“Điều 20. Chứng từ nộp thuế điện tử

Chứng từ nộp thuế điện tử gồm các loại:

1. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước dưới dạng điện tử theo mẫu quy định của Bộ Tài chính, có chữ ký số của ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước.

2. Bảng kê chứng từ nộp thuế dưới dạng điện tử do Ngân hàng Thương mại, Kho bạc Nhà nước lập, có chữ ký số của ngân hàng thương mại hoặc kho bạc nhà nước.

3. Biên lai nộp ngân sách nhà nước in từ máy ATM có xác nhận của ngân hàng thương mại gồm các thông tin chủ yếu sau:

a) Các thông tin chung về ngân hàng thương mại thực hiện dịch vụ thu ngân sách nhà nước qua thẻ ATM: tên ngân hàng thương mại, tên Chi nhánh ngân hàng thương mại quản lý máy ATM, số máy ATM, địa chỉ ATM thực hiện dịch vụ thu ngân sách nhà nước.

b) Các thông tin về người nộp thuế: tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ kinh doanh, kỳ thuế, số quyết định, ngày quyết định (trong trường hợp nộp phạt tiền thuế), số thẻ, số tài khoản thẻ, số dư cuối, mục lục Ngân sách Nhà nước.

c) Các thông tin liên quan đến giao dịch nộp thuế: thời gian thực hiện giao dịch (giờ, ngày, tháng, năm); tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước; chi tiết cho từng nội dung khoản nộp.”

9. Bổ sung vào điểm b, khoản 1, Điều 29 như sau:

“b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

- Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

- Thực hiện việc gửi, nhận đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

- Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận; lưu giữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

- Bảo đảm kết nối, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.

- Thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế trước 10 ngày kể từ ngày dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.

- Thông báo xác nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử cho người nộp thuế sử dụng dịch vụ T-VAN

- Chịu trách nhiệm về việc hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đến cơ quan thuế không đúng thời hạn theo quy định trong trường hợp người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế đúng thời hạn quy định”

10. Bổ sung vào điểm b, khoản 1, Điều 30 như sau:

“b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN chỉ được cung cấp dịch vụ T-VAN cho người nộp thuế kể từ ngày được cấp Giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Có trách nhiệm chuyển hồ sơ thuế điện tử đến cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế chậm nhất là 2h/1lần kể từ khi nhận được hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Có trách nhiệm thiết lập kênh kết nối với công thông tin điện tử của cơ quan thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, chủ động giải quyết và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới công thông tin điện tử của cơ quan thuế.

Trường hợp có lỗi của công thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện thông báo ngay cho người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế để thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều 1, Thông tư này.

- Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với Tổng cục Thuế.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2013.
2. Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn